

Số: 31/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022, Công văn số 3793/UBND-TH ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

1. Danh mục dự án bố trí vốn năm 2023 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Bố trí vốn trả nợ vay ODA.

3. Bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (vốn tất toán các công trình đã quyết toán).

4. Bố trí vốn cho chuẩn bị đầu tư, các Chương trình mục tiêu quốc gia.



5. Bố trí lại kế hoạch vốn cho những dự án đã cắt giảm năm 2022.

6. Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2023.

7. Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

II. Nguồn vốn năm 2023

Tổng nguồn vốn năm 2023 là 6.019 tỷ 631 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách địa phương: 5.021 tỷ 510 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 502 tỷ 210 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.514 tỷ 900 triệu đồng.
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 980 tỷ đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 24 tỷ 400 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước): 998 tỷ 121 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

III. Phương án phân bổ

1. Vốn ngân sách địa phương: 5.021 tỷ 510 triệu đồng (kèm theo biểu số 1)

1.1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 502 tỷ 210 triệu đồng.

Bao gồm:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 276 tỷ đồng.
- Vốn thực hiện dự án: 171 tỷ 610 triệu đồng.

Trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp: 141 tỷ 030 triệu đồng.
- + Dự án khởi công mới: 30 tỷ 580 triệu đồng.
- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 30 tỷ đồng.
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 20 tỷ đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 4 tỷ 600 triệu đồng.

1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.514 tỷ 900 triệu đồng.

Bao gồm:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 1.533 tỷ 700 triệu đồng.
- Vốn thực hiện dự án: 1.981 tỷ 200 triệu đồng.

Trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp: 1.563 tỷ 690 triệu đồng.
- + Dự án khởi công mới: 417 tỷ 510 triệu đồng.

1.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 980 tỷ triệu đồng.



Bao gồm:

- Vốn thực hiện dự án: 755 tỷ 840 triệu đồng.

Trong đó:

+ Dự án chuyển tiếp: 626 tỷ đồng.

+ Dự án khởi công mới: 129 tỷ 840 triệu đồng.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 200 tỷ đồng.

- Tắt toán công trình đã quyết toán: 7 tỷ 800 triệu đồng.

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 499 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 51%; bố trí vốn cho xây dựng nông thôn mới là 200 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 20% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

2. Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước): 998 tỷ 121 triệu đồng.

2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia: 354 tỷ 121 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 149 tỷ 080 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 3 tỷ 079 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 201 tỷ 962 triệu đồng.

2.2. Các chương trình mục tiêu: 470 tỷ đồng.

Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp: 470 tỷ đồng.

2.3. Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 174 tỷ đồng.

Trong đó:

- Dự án khởi công mới: 174 tỷ đồng.

(chi tiết tại biểu số 2, phụ lục 2.1, phụ lục 2.2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phuc*



Huỳnh Thị Hằng



BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	TỔNG SỐ	6.019.631	6.019.631	-	
I	Vốn ngân sách địa phương	5.021.510	5.021.510	-	Chi tiết biểu 1
	Trong đó:				
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	502.210	502.210		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.514.900	3.514.900		
2.1	Khối tỉnh	1.981.200	1.981.200		
2.2	Khối huyện	1.533.700	1.533.700		
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	980.000	980.000		
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	24.400	24.400		
II	Vốn ngân sách trung ương	998.121	998.121		
1	Vốn trong nước	998.121	998.121		Chi tiết biểu 2
	Trong đó:				
1.1.	Các Chương trình mục tiêu	470.000	470.000		
1.2.	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	354.121	354.121		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	201.962	201.962		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.079	3.079		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	149.080	149.080		
1.3.	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội	174.000	174.000		

Ghi chú: Tiền sử dụng đất khối tỉnh giao năm 2023 là 3.790 tỷ đồng. Để lại 1.808 tỷ 800 triệu đồng, bao gồm: 150 tỷ đồng chi đo đạc hồ sơ địa chính, dữ liệu đất đai; trích 2% dự phòng là 75 tỷ 800 triệu đồng; hoàn trả nguồn hỗ trợ từ thành phố Hồ Chí Minh là 50 tỷ đồng; hoàn trả hụi thu tiền sử dụng đất năm 2022 là 1.533 tỷ đồng. Còn lại bố trí đầu tư công năm 2023 là 1.981 tỷ 200 triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					111.720		111.720			
8	Huyện Hớn Quản					164.160	25.000	139.160			
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					41.748		41.748			
9	Huyện Lộc Ninh					94.640	28.000	66.640			
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					19.992		19.992			
10	Huyện Bù Đốp					83.760	23.000	60.760			
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					18.228		18.228			
11	Huyện Phú Riềng					153.360	24.000	129.360			
	Trong đó:										
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					38.808		38.808			
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860	16.640	16.360			16.360		Sở Tài chính
C	Vốn thực hiện dự án		13.620.667	10.946.800	2.665.262	2.933.050	171.610	1.981.200	755.840	24.400	
C1	Dự án chuyển tiếp		12.136.667	9.648.900	2.661.329	2.355.120	141.030	1.563.690	626.000	24.400	
I	Giao thông - vận tải và hạ tầng đô thị		10.185.167	7.360.900	1.628.785	1.565.880	80.530	1.460.950	-	24.400	-
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000		190.460	10.530	179.930			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000		20.000		20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
3	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	154.100	129.700	24.400				24.400	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	107.930	35.000		35.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	50.600	35.000		35.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tĩnh lý	1622/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	200.000	160.000	84.300	75.700		75.700			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng tuyến kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	162.000	118.000	44.000		44.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng đường kết nối ngang Quốc lộ 14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	31.000	25.000		25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nôm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nôm)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	70.000	63.000	53.000	10.000		10.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng đường trục chính từ ĐT 741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	22.000	20.000		20.000			UBND huyện Đồng Phú
11	Xây dựng đường giao thông từ ĐT 741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	15.550	20.000	20.000				UBND huyện Đồng Phú
12	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800		20.000		20.000			UBND huyện Đồng Phú
13	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	50.000	20.000		20.000			UBND huyện Hớn Quản

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
14	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	30.000	10.000		10.000			UBND huyện Hớn Quản
15	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	19.000	10.000		10.000			UBND huyện Hớn Quản
16	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến Quốc lộ 14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	66.000	50.000	50.000				UBND TP Đồng Xoài
17	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	895	25.000		25.000			UBND thị xã Chơn Thành
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nheu	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	39.000	12.000		12.000			UBND huyện Bù Đăng
19	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000	300	5.000		5.000			UBND huyện Bù Đăng
20	Xây dựng Đường từ Quốc lộ 14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	54.000	33.000	21.000		21.000			UBND huyện Bù Đăng
21	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	54.000	33.000	21.000		21.000			UBND huyện Bù Đăng
22	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	50.000	15.000		15.000			UBND huyện Bù Gia Mập
23	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	26.000	5.000		5.000			UBND huyện Phú Riềng
24	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	1.305.000	21.769	210.000		210.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xỏ số kiến thiết	
25	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	396.000	48.999	20.000		20.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
26	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối Quốc lộ 14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000	51.500	30.000		30.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
27	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chò qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	3077/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	80.000	72.000	40.000	32.000		32.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
28	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	3240/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	100.000	90.000	30.000	35.000		35.000		UBND thị xã Chơn Thành
29	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ Quốc lộ 14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000	520	25.000		25.000		UBND thị xã Chơn Thành
30	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	2683/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	80.000	72.000	40.180	31.820		31.820		UBND thị xã Chơn Thành
31	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	18.000	10.000		10.000		UBND huyện Bù Gia Mập
32	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ô (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	50.000	40.000		40.000		UBND huyện Bù Gia Mập
33	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	21.532	10.000		10.000		UBND huyện Bù Gia Mập
34	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT 759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	12.000	15.000		15.000		UBND huyện Bù Đốp
35	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	15.000	20.000		20.000		UBND huyện Bù Đốp

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT 759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	6.000	15.000		15.000			UBND huyện Bù Đốp
37	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	11.000	15.000		15.000			UBND huyện Bù Đốp
38	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	15.000	15.000		15.000			UBND TX Phước long
39	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	10.000	20.000		20.000			UBND TX Phước long
40	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	12.000	16.500		16.500			UBND TX Phước long
41	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	10.000	15.000		15.000			UBND TX Phước long
42	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	1985/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	80.000	72.000	64.000	8.000		8.000			UBND TX Phước long
43	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	30.660	30.000		30.000			UBND TX Bình Long
44	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối Quốc lộ 13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	4.000	12.000		12.000			UBND huyện Lộc Ninh
45	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối Quốc lộ 13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	1.700	13.000		13.000			UBND huyện Lộc Ninh
46	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	3.000	21.000		21.000			UBND huyện Lộc Ninh
47	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	10.352	40.000		40.000			UBND TP Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
48	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	1431/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	65.000	58.500	45.286	13.000		13.000			UBND TP Đồng Xoài
49	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	8.528	25.000		25.000			UBND huyện Phú Riềng
50	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	8.000	20.000		20.000			UBND huyện Phú Riềng
51	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	8.000	25.000		25.000			UBND huyện Phú Riềng
52	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	60.000	50.000		50.000			UBND huyện Phú Riềng
53	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	12.484	20.000		20.000			UBND huyện Hớn Quản
II	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		460.000	414.000	185.060	123.740	31.000	92.740			
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	56.300	31.000	31.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	25.500	5.000		5.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	36.000	9.000		9.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	15.000	14.000		14.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	9.000	13.000		13.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	
6	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	9.000	13.000		13.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	1195/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	60.000	54.000	25.260	28.740		28.740		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	9.000	10.000		10.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		20.000	18.000	5.000	8.000	8.000	-	-	-
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	5.000	8.000	8.000			Chi cục Kiểm Lâm
IV	Giáo dục và Đào tạo		841.500	1.289.000	654.520	390.000	-	-	390.000	-
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000	90.000	3.000			3.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	1643a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	71.500	51.500	45.500	4.000			4.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trường THPT Phú Riêng	2077/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	85.000	77.000	50.000	25.000			25.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1125/QĐ-UBND ngày 4/5/2021	15.000	13.500	7.500	6.000			6.000	UBND huyện Bù Đăng
5	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	1149/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	15.000	13.500	8.500	5.000			5.000	UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	2146/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	50.000	45.000	25.000	20.000			20.000	UBND huyện Bù Đăng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
7	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	21.320	100.000			100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Hỗ trợ các huyện xây dựng 200 phòng học			434.000	294.000	140.000	-	-	140.000		
8.1	Hỗ trợ huyện Bù Đăng 50 phòng học			140.000	105.000	35.000			35.000		
8.2	Hỗ trợ huyện Bù Gia Mập 30 phòng học			63.000	42.000	21.000			21.000		
8.3	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 30 phòng học			56.000	35.000	21.000			21.000		
8.4	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 10 phòng học			56.000	49.000	7.000			7.000		
8.5	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 10 phòng học			28.000	21.000	7.000			7.000		
8.6	Hỗ trợ huyện Chơn Thành 40 phòng học			28.000	-	28.000			28.000		
8.7	Hỗ trợ thị xã Bình Long 20 phòng học			35.000	21.000	14.000			14.000		
8.8	Hỗ trợ thị xã Phước Long 10 phòng học			28.000	21.000	7.000			7.000		
9	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	2458/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2808/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	25.000	22.500	12.400	8.000			8.000		UBND huyện Đồng Phú
10	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000	10.000	10.000			10.000		UBND huyện Hớn Quản
11	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000	1.000	5.000			5.000		UBND huyện Bù Đăng
12	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	1995/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	20.000	18.000	6.300	9.000			9.000		UBND huyện Lộc Ninh
13	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000	10.000	10.000			10.000		UBND huyện Bù Đốp
14	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000	10.000	10.000			10.000		UBND huyện Bù Đốp
15	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	63.000	35.000			35.000		UBND TX Bình Long
V	Y tế		250.000	225.000	41.100	99.000	-	-	99.000	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				
							Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	2213/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000	20.220	24.500			24.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	2207/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000	20.220	24.500			24.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	135.000	660	50.000			50.000		Sở Y tế
VI	Văn hóa xã hội		250.000	225.000	91.600	106.500		10.000	96.500		
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000	30.572	50.000			50.000		Đài PTTH và Báo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	35.028	46.500			46.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2124/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	40.000	36.000	26.000	10.000		10.000			UBND huyện Bù Gia Mập
VII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyên đổi số		60.000	54.000	30.264	24.000			24.000		
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	60.000	54.000	30.264	24.000			24.000		Sở Thông tin và Truyền thông
VIII	Quốc phòng - An ninh		70.000	63.000	25.000	38.000	21.500		16.500		
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	152/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	35.000	31.500	15.000	16.500			16.500		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	3004/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	35.000	31.500	10.000	21.500	21.500				Công an tỉnh
C2	Dự án khởi công mới		1.484.000	1.297.900	3.933	577.930	30.580	417.510	129.840		
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		938.000	806.500	1.628	421.580	30.580	391.000			
1	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây Quốc lộ 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	150.000	135.000	660	134.000		134.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		
2	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	2106/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	220.000	198.000	968	195.000		195.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	3157/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	120.000	108.000	-	20.000		20.000		UBND thị xã Chơn Thành	
4	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200		12.000		12.000		UBND huyện Đồng Phú	
5	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối Quốc lộ 13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	54.000	-	10.000		10.000		UBND huyện Lộc Ninh	
6	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	81.000	-	10.000		10.000		UBND huyện Bù Gia Mập	
7	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	27.000		5.000	5.000			UBND huyện Bù Đăng	
8	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riêng	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	90.000		10.000		10.000		UBND huyện Hớn Quản	
9	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	-	25.580	25.580			UBND TX Bình Long	
II	Giáo dục và Đào tạo		20.000	18.000		10.000	-	-	10.000	-	
1	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	20.000	18.000		10.000			10.000	UBND huyện Bù Đăng	
III	Văn hóa xã hội		80.000	72.000	352	56.350	-	26.510	29.840	-	
1	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bình Phước	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	352	56.350		26.510	29.840	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
IV	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		446.000	401.400	1.953	90.000	-	-	90.000	-	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	446.000	401.400	1.953	90.000			90.000	Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:				
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
D	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đổi ứng NSTW)			1.295.000	936.000	200.000			200.000		Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
E	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đổi ứng NSTW)			250.000	144.000	30.000	30.000				Giao Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở LĐTBXH và Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn
F	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đổi ứng NSTW)			80.000	16.000	20.000	20.000				Giao Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
G	Vốn chuẩn bị đầu tư			78.387	41.060	4.600	4.600				Phụ lục 1.2
H	Tất toán công trình đã quyết toán			154.375	120.450	7.800			7.800		Phụ lục 1.3



Phụ lục 1.1

KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI

Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	Chủ đầu tư
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	200.000	
1	Thanh toán hợp đồng mua xi măng tập trung 2022	13.303	Văn phòng Điều phối NTM
2	Mua xi măng tập trung 2023	93.697	Văn phòng Điều phối NTM
3	Hỗ trợ xã về đích (đạt chuẩn và nâng cao)	93.000	
3.1	Huyện Chơn Thành	6.000	
3.2	Huyện Đồng Phú	9.000	
3.3	Huyện Hớn Quản	15.000	
3.4	Huyện Bù Đăng	21.000	
3.5	Huyện Bù Đốp	9.000	
3.6	Huyện Phú Riềng	21.000	
3.7	Huyện Lộc Ninh	6.000	
3.8	Huyện Bù Gia Mập	6.000	



Phụ lục 1.2

DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Chủ đầu tư
	Tổng số	1.162.000	4.600	
1	Nâng cấp cải tạo khu Trường Cao đẳng nghề (cũ) và Đầu tư Trang thiết bị - xây dựng mới một số hạng mục cơ sở trong KCN Becamex - Bình Phước thuộc Trường Cao đẳng Bình Phước	430.000	1.700	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường kết nối Hón Quán ra Quốc lộ 14 (xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành)	150.000	600	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Nâng cấp mặt đường tuyến ĐT760 đoạn từ xã Bom Bo đến cầu Đăk Lung 2, tỉnh Bình Phước	100.000	400	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng giao thông từ trung tâm xã Thanh Hòa đi cầu Bình Thăng kết nối với huyện Bù Gia Mập	66.000	260	UBND huyện Bù Đốp
5	Nâng cấp đường ĐT759B đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng - Giai đoạn 2	68.000	270	UBND huyện Bù Đốp
6	Nâng cấp, xây dựng đường và cầu Bù Dinh- Thanh Sơn xã Thanh An huyện Hón Quán	80.000	300	UBND huyện Hón Quán
7	Xây dựng đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình - Nghĩa Trung (kết nối với đường Sao Bông - Đăng Hà)	140.000	560	UBND huyện Bù Đăng
8	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ cầu Đăk O, xã Phú Văn đi xã đường 10, huyện Bù Đăng	50.000	200	UBND huyện Bù Gia Mập
9	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	43.000	170	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
10	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	35.000	140	Công An tỉnh



Phụ lục 1.3

TÁT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

Kèm theo Nghị quyết số 31 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		7.800		
1	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	1332/QĐ-UBND ngày 25/7/2022	4.468	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Trung tâm y tế huyện Phú Riềng.	1692/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	226	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Đường từ ĐT 741 đi đội 6 Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	2554/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	639	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Trường mầm non xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	2023/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	518	UBND huyện Phú Riềng	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	860/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	20	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Hồ chứa nước Sơn Lợi, huyện Bù Đăng	1861/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	197	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc Tấn-Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn K8+000 đến Km10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	1860/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	328	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn KM16+000 đến Km21+369 đường Sao Bọng - Đăng Hà, tỉnh Bình Phước: Hoàn thiện mặt đường bê tông nhựa 2 lớp và công trình phụ trợ	1859/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	87	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Khu tưởng niệm thuộc khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy quân sự giải phóng Miền Nam Việt Nam	751/QĐ-UBND ngày 13/4/2020	29	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Nhà đón tiếp khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy Miền Nam Việt Nam	753/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	41	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Nối dài hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	38/QĐ-STC ngày 23/6/2022	889	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Đầu nối hạ tầng KDC Phú Thịnh (Giai đoạn 1) phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	40/QĐ-STC ngày 27/6/2022	78	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Hệ thống thủy lợi Hưng Phú, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	204/QĐ-STC ngày 28/12/2018	11	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Phương án và dự toán chi phí hỗ trợ thực hiện đào mới và cải tạo, nâng cấp giếng đào xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	72/QĐ-STC ngày 05/6/2018	7	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	77/QĐ-STC ngày 05/6/2019	18	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đa Bo, huyện Bù Đăng	75/QĐ-STC ngày 25/8/2022	50	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu úm, xã Tân Khai	76/QĐ-STC ngày 25/8/2022	39	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
18	Xây dựng Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh - truyền hình và Báo Bình Phước	119/QĐ-STC ngày 16/10/2019	46	Đài phát thanh-Truyền hình và Báo Bình Phước	Không vượt tổng mức đầu tư
19	Trung tâm văn hóa thông tin tỉnh Bình Phước	Báo cáo số 2004/BC-STC ngày 22/7/2021	109	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư





Biểu số 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 31 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	TỔNG SỐ		2.509.000	2.494.000	3.307.631	1.462.963	998.121	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia		-	-	1.332.631	284.116	354.121	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				529.110	127.180	149.080	Chi tiết Phụ lục 2.1
1	Xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới					105.180	86.842	
2	Huyện Phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới					15.000	46.238	
3	Thực hiện 6 chương trình chuyên đề phục vụ nông thôn mới						12.000	
4	Các nhiệm vụ khác					7.000	4.000	
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				10.111	876	3.079	Chi tiết Phụ lục 2.2
1	Dự án thành phần số 4					876	3.079	
III	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				793.410	156.060	201.962	
1	Dự án thành phần 1					25.450	30.000	Giao Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn NSTW cho các địa phương
2	Dự án thành phần 2					77.937	95.000	
3	Dự án thành phần 4					40.301	60.000	
4	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án thành phần 5					6.708	7.900	
5	Dự án thành phần 6					5.210	8.336	
6	Dự án thành phần 10					454	726	
B	Các chương trình mục tiêu		2.335.000	2.320.000	1.975.000	1.178.847	470.000	
I	Các dự án chuyển tiếp		2.335.000	2.320.000	1.975.000	1.178.847	470.000	
1	Giao thông		1.600.000	1.585.000	1.240.000	805.647	300.000	



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NSTW
1.1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ/UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	1.450.000	1.105.000	755.647	250.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1.2	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điền)	853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.000	135.000	135.000	50.000	50.000	UBND huyện Lộc Ninh
2	Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế		585.000	585.000	585.000	320.000	120.000	
2.1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	551/QĐ-UBND ngày 5/3/2021	185.000	185.000	185.000	70.000	70.000	UBND huyện Hớn Quản
2.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	400.000	400.000	250.000	50.000	UBND huyện Đồng Phú
3	Quốc phòng		150.000	150.000	150.000	53.200	50.000	
3.1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ō huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	150.000	150.000	53.200	50.000	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh
C	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		174.000	174.000	-	-	174.000	
I	Các dự án khởi công mới năm 2023						174.000	
1	Nâng cấp, mở rộng trung tâm y tế thị xã Bình Long		174.000	174.000			174.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh





Phụ lục 2.1
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

Nguồn ngân sách Trung ương

*(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	Ghi chú
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	149.080	
1	Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới	86.842	
a	Huyện Hớn Quản	12.406	
b	Huyện Lộc Ninh	12.406	
c	Huyện Bù Gia Mập	12.406	
d	Huyện Phú Riềng	24.812	
e	Huyện Bù Đăng	24.812	
2	Huyện Phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới	46.238	
a	Huyện Lộc Ninh	31.238	
b	Huyện Phú Riềng	15.000	
3	Thực hiện 6 chương trình chuyên đề phục vụ nông thôn mới	12.000	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn sau khi được TW hướng dẫn
4	Các nhiệm vụ khác	4.000	

Phụ lục 2.2
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

Nguồn ngân sách Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số *31* /NQ-HĐND ngày *09* tháng *12* năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023
	Dự án 4: Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	10.110	3.079
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		2.155
2	Các huyện, thị xã, thành phố		924
2.1	Thị xã Phước Long		48
2.2	Thành phố Đồng Xoài		68
2.3	Thị xã Bình Long		51
2.4	Huyện Bù Gia Mập		102
2.5	Huyện Lộc Ninh		94
2.6	Huyện Phú Riềng		82
2.7	Huyện Bù Đốp		75
2.8	Huyện Hớn Quản		115
2.9	Huyện Đồng Phú		71
2.10	Huyện Bù Đăng		150
2.11	Huyện Chơn Thành		68